



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001501

Tên học phần: **Vi tích phân 1C**

Mã học phần: **MTH00001**

Lớp: **22_1**

Ngày thi: **25/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	20150176	Nguyễn Thị Ngọc	Lên			☐		3	0	Ba chữ	
2	20150180	Nguyễn Thị Mỹ	Linh			☐		6	5	Sáu chữ	
3	20150191	Võ Thị Thùy	Mai			☐		1	0	Một chữ	
4	20150280	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm			☐		3	0	Ba chữ	
5	20160006	Lê Phạm Quỳnh	Trang			☐		6	0	Sáu chữ	
6	20160008	Lê Hải	Yến			☐		2	0	Hai chữ	
7	20160016	Dương Bảo	Minh			☐		2	5	Hai chữ	
8	20180024	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương			☐		5	0	Năm chữ	
9	20180075	Lâm Thị Thu	Thảo			☐		6	5	Sáu chữ	
10	20180118	Nguyễn Thị Mỹ	Hồng			☐		7	5	Bảy chữ	
11	20180135	Khuru Tô	Nga			☐		7	5	Bảy chữ	
12	20180138	Trương Thanh	Ngân			☐		7	5	Bảy chữ	
13	20180182	Trần Anh	Tuấn			☐		7	5	Bảy chữ	
14	20180189	Phan Trần Nhật	Vy			☐		2	5	Hai chữ	
15	20180242	Trần Lê Ngọc	Hà			☒					
16	20180256	Nguyễn Thị Thúy	Hiền			☐		7	5	Bảy chữ	
17	20180259	Võ Trí	Hiếu			☐		2	0	Hai chữ	
18	20180287	Nguyễn Vũ Minh	Khôi			☐		6	0	Sáu chữ	
19	20180291	Nguyễn Tuấn	Kiệt			☐		9	5	Chín chữ	
20	20180304	Lê Thị	Mai			☐		8	0	Tám chữ	
21	20180317	Lê Bình Phương	Nam			☐		5	0	Năm chữ	
22	20180348	Đào Đại	Phát			☐		8	0	Tám chữ	
23	20180350	Trần Xuân	Phú			☐		4	0	Bốn chữ	
24	20180357	An Đăng	Quang			☐		6	5	Sáu chữ	
25	20180412	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên			☐		7	0	Bảy chữ	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Văn Đức</u> Chữ ký: <u></u> 2) <u>Nguyễn Thị Yên Nhi</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Hồng Nhung</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001502

Tên học phần: **Vi tích phân 1C**Mã học phần: **MTH00001**Lớp: **22_1**Ngày thi: **25/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20220039	Đào Ngọc Cẩm	Hồng					0	5		
27	20220062	Trần Ngọc	Phước					4	0		
28	20220066	Trần Thị Tú	Quyên								
29	20220085	Nguyễn Phạm Phương	Thy								
30	21140278	Nguyễn Trần Minh	Thư					6	0		
31	21150048	Trịnh Ngọc	Hân					3	5		
32	21150090	Phạm Thị Kiều	Nhi					5	0		
33	21150144	Nguyễn Hà Trang	Anh					4	5		
34	21150154	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh					8	5		
35	21150196	Trần Thị Ngọc	Hân					3	0		
36	21150247	Lê Thị Ngọc	Mai					5	0		
37	21160039	Nguyễn Phong	Phú					5	0		
38	21180199	Nguyễn Hoàng	Nhật					8	5		
39	21180268	Lý Thành	Danh					6	5		
40	21180297	Phạm Trúc	Huỳnh					8	5		
41	21180315	Dương Minh	Mẫn					8	5		
42	22140090	Trương Tuấn	Khải					5	5		
43	22140099	Trương Tất	Kiệt					4	0		
44	22140119	Lý Ngọc Trúc	My					8	5		
45	22140139	Nguyễn Minh	Nhật					6	5		
46	22140142	Phan Thị Yến	Nhi					8	5		
47	22140177	Nguyễn Minh	Tâm					7	5		
48	22150079	Nguyễn Bá	Nguyên								
49	22170039	Đỗ Hà Trà	My								
50	22170067	Võ Thị Kim	Thư				0	0	0		

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Nguyễn Thị Yến Nhi Chữ ký:
2) Nguyễn Văn Đức Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hằng Nhung
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001503

Tên học phần: **Vi tích phân 1C**

Mã học phần: **MTH00001**

Lớp: **22_1**

Ngày thi: **25/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22180185	Võ Nguyễn Bảo	Thanh								
52	22180211	Mai Tú	Trinh					2	0		
53	22180217	Lê Vũ	Tuấn					3	5		
54											
55											
56											
57											
58											
59											
60											
61											
62											
63											
64											
65											
66											
67											
68											
69											
70											
71											
72											
73											
74											
75											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Nguyễn Văn Đức...Chữ ký:
2) Nguyễn Thị Yến Nhi...Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001504

Tên học phần: **Vi tích phân 1C**Mã học phần: **MTH00001**Lớp: **22_1**Ngày thi: **25/04/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1614330	Hoàng Ngọc	Thương		<i>Thương</i>	☐		7	0	Bảy chẵn	
2	1615173	Trương Hàn	Khuyên			☒					
3	1715266	Nguyễn Phan Mai	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>	☐		6	5	Sáu lăm	
4	1715279	Đặng Quốc	Thắng		<i>Đặng</i>	☐		5	5	Năm lăm	
5	1722023	H Đôn	Kriêng		<i>H Đôn</i>	☐		1	5	Một lăm	
6	18150025	Vũ Trí	Vy		<i>Vũ Trí</i>	☐		4	0	Bốn chẵn	
7	18150045	Nguyễn Thị Kim	Yến			☒					
8	18150199	Nguyễn Công	Mỹ			☒					
9	18150279	Võ Thị Như	Quỳnh		<i>Quỳnh</i>	☐		1	0	Một chẵn	
10	18150289	Đỗ Nguyễn Quốc	Thắng			☒					
11	18150382	Trần Thị Cẩm	Tú		<i>Trần</i>	☐		7	5	Bảy lăm	
12	18150387	Nguyễn Đức	Tùng			☒					
13	18150407	Dương Huỳnh Phương	Vy		<i>Bm</i>	☐		4	0	Bốn chẵn	
14	18170032	Nguyễn Thị Mai	Chi			☒					
15	18170111	Nguyễn Quốc	Thông		<i>TK</i>	☐		4	5	Bốn lăm	
16	18180247	Vũ Hữu	Nguyên		<i>HH</i>	☐		7	5	Bảy lăm	Bảy lăm
17	18220089	Trần Xuân	Sáng		<i>SX</i>	☐		3	0	Ba chẵn	
18	18220117	Nguyễn Thanh	Trúc			☒					
19	19140329	Vũ Hoàng	Diễm		<i>HH</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
20	19140342	Nguyễn Trung	Dũng		<i>DZ</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
21	19150065	Nguyễn Hữu	Đức		<i>HH</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
22	19150074	Trần Thị Hồng	Duyên		<i>TH</i>	☐		4	0	Bốn chẵn	
23	19150149	Trương Ngọc Yến	Nhi		<i>NZ</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
24	19150293	Phan Thị Mỹ	Chinh		<i>Chinh</i>	☐		1	0	Một chẵn	
25	19150325	Phạm Thị	Hạnh		<i>PH</i>	☐		1	0	Một chẵn	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Trần Thanh Nhật</i>	Chữ ký: <i>Trần Thanh Nhật</i>	1) <i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i>		
2) <i>Nguyễn Phước Hiền</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Phước Hiền</i>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001505

Tên học phần: Vi tích phân 1C

Mã học phần: MTH00001

Lớp: 22_1

Ngày thi: 25/04/2023

Giờ thi: 10g15

Phòng thi: F104

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	19150349	Võ Lê Quang	Huy					6	5	Sáu mươi	
27	19150411	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như					2	5	Hai mươi	
28	19150412	Nguyễn Phạm Hồng	Nhung					7	0	Bảy chục	
29	19150802	Phan Văn	Thiện								
30	19160038	Nguyễn Văn	Trọng					7	0	Bảy chục	
31	19170036	Phương Hoàng Ngân	Giang					8	0	Tám chục	
32	19170038	Đặng Lê Thu	Hà					5	5	Năm mươi	
33	19170162	Bùi Thị Thu	Huyền					4	0	Bốn chục	
34	19170171	Hồ Nguyễn Hồng	Lam					3	5	Ba mươi	
35	19170191	Nguyễn Thị Minh	Ngọc					8	0	Tám chục	
36	19170194	Chế Thị Quỳnh	Như					5	5	Năm mươi	
37	19170206	Nguyễn Xuân	Phúc					1	0	Một chục	
38	19170221	Nguyễn Thị Mỹ	Tho					2	0	Hai chục	
39	19170802	Võ Thị Ngọc	Nhi					4	0	Bốn chục	
40	19180182	Lương Hồng	Ân					7	5	Bảy mươi	
41	19220074	Đặng Thị Thùy	Trang					6	5	Sáu mươi	
42	19220089	Lê Thị Thanh	Bình					3	5	Ba mươi	
43	19220093	Triệu Kiều	Đan					6	5	Sáu mươi	
44	19220122	Nguyễn Đăng	Khoa					1	0	Một chục	
45	19220140	Nguyễn Trần Kim	Ngọc					5	5	Năm mươi	
46	19220142	Phạm Đỗ Khánh	Ngọc					2	5	Hai mươi	
47	19220188	Lưu Mạnh	Tuân					1	5	Một mươi	
48	19220194	Võ Thị Ngọc	Vân					2	0	Hai chục	
49	19220195	Trần Thị Khánh	Viên					3	0	Ba chục	
50	19220197	Lê Hoàng Liên	Vy					1	0	Một chục	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Phú Hải... Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Thị Hồng Nhung... Chữ ký:	Họ, tên:
2) Nguyễn Ngọc Tiến... Chữ ký:		Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001506

Tên học phần: **Vi tích phân 1C**

Mã học phần: **MTH00001**

Lớp: **22_1**

Ngày thi: **25/04/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	20130136	Nguyễn Khắc Đặng	Triều			●					
52	20140330	Phạm Vũ Hiền	Nhi			●					
53	20140376	Võ Lê Phương	Thành		<i>th</i>	○	6	0		Sáu chẵn	
54	20140406	Lâm Thị Thanh	Tiền		<i>Ahanhuy</i>	○	4	0		Bốn chẵn	
55	20150004	Nguyễn Trúc	Linh		<i>du</i>	○	9	0		Chín chẵn	
56	20150014	Trần Tú	Anh		<i>AM</i>	○	1	0		Một chẵn	
57	20150038	Trần Đức	Huy		<i>z</i>	○	5	5		Năm lẻ	
58	20150053	Lê Thị Ngọc	Mai		<i>may</i>	○	7	0		Bảy chẵn	
59	20150055	Phạm Huỳnh Thanh	Ngân		<i>Ngan</i>	○	2	5		Hai lẻ	
60	20150064	Hoàng	Oanh		<i>H</i>	○	9	5		Chín lẻ	
61	20150082	Trần Minh	Thư		<i>th</i>	○	4	0		Bốn chẵn	
62	20150086	Huỳnh Hữu	Tinh		<i>Tue</i>	○	6	0		Sáu chẵn	6,0
63	20150097	Lê Phạm Thúy	Vy		<i>Thuy</i>	○	8	5		Tám lẻ	
64	20150112	Lưu Quỳnh Trâm	Anh		<i>Ank</i>	○	4	0		Bốn chẵn	
65	20150118	Phan Hữu Hoàng	Anh		<i>hu</i>	○	6	5		Sáu lẻ	
66	20150119	Nguyễn Trương Ngọc	Ánh		<i>Nbmt</i>	○	6	5		Sáu lẻ	
67	20150121	Nguyễn Thị Cẩm	Bình		<i>zml</i>	○	2	5		Hai lẻ	
68	20150137	Nguyễn Nhật	Hạ			●					
69	20150145	Phạm Thị Thu	Hiền			●					
70	20150147	Vũ Thị Thu	Hiền		<i>AT</i>	○	7	0		Bảy chẵn	
71	20150151	Dương Phạm Hải	Hoàng		<i>Hoang</i>	○	5	0		Năm chẵn	
72	20150155	Nguyễn Thị	Hồng		<i>h</i>	○	6	0		Sáu chẵn	
73	20150158	Nguyễn Hữu Minh	Huy		<i>g</i>	○	4	5		Bốn lẻ	
74	20150159	Đỗ Thị Thu	Huyền		<i>thuy</i>	○	7	5		Bảy lẻ	
75	20150164	Phạm Thái	Khánh		<i>th</i>	○	4	0		Bốn chẵn	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Trần Thanh Nhứt</i> Chữ ký: <i>thct</i> 2) <i>Nguyễn Ngọc Tiên</i> Chữ ký: <i>NT</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i> Chữ ký: <i>hng</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001061

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22HOH1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	22140001	Hồ Thị Châu	Á		<i>Chu</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
2	22140002	Lâm Triều	An		<i>Tu</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
3	22140003	Ngô Quốc	An		<i>Ho</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
4	22140004	Nguyễn Tấn	An		<i>An</i>	☐		6	5	Sáu rưỡi	
5	22140005	Trần Thị Nhã	An		<i>Tr</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
6	22140006	Bùi Ngọc Trúc	Anh		<i>B</i>	☐		4	5	Bốn rưỡi	
7	22140007	Đặng Võ Hoài	Anh		<i>Đ</i>	☐		4	5	Bốn rưỡi	
8	22140008	Đỗ Việt	Anh		<i>Đ</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
9	22140009	Dương Trịnh Thế	Anh		<i>Tu</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
10	22140010	Hoàng Hải Quỳnh	Anh		<i>Ho</i>	☐		3	5	Ba rưỡi	
11	22140011	Huỳnh Trâm	Anh		<i>Hu</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
12	22140012	Lê Thị Hoàng	Anh		<i>L</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
13	22140013	Lê Trâm	Anh		<i>Le</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
14	22140014	Lương Vũ Thế	Anh		<i>Lu</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
15	22140015	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh		<i>N</i>	☐		4	0	Bốn chẵn	
16	22140016	Nguyễn Thị Hồng	Anh		<i>N</i>	☐		6	5	Sáu rưỡi	
17	22140017	Phạm Thụy Trúc	Anh			☒					
18	22140018	Phạm Vũ Bảo	Anh		<i>Ph</i>	☐		5	0	Năm chẵn	
19	22140019	Trần Mai Trâm	Anh		<i>Tr</i>	☐		6	5	Sáu rưỡi	
20	22140020	Hà Gia	Bảo		<i>Ha</i>	☐		3	5	Ba rưỡi	
21	22140021	Lâm Quốc	Bảo		<i>L</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
22	22140022	Lê Võ Gia	Bảo		<i>le</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
23	22140023	Lý Thái	Bảo		<i>Ly</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
24	22140024	Nguyễn Trần Gia	Bảo		<i>N</i>	☐		7	0	Bảy chẵn	
25	22140026	Vũ Thái	Bảo		<i>Vu</i>	☐		8	0	Tám chẵn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Đinh Thị Vũ*
1) *Đinh Thị Vũ* Chữ ký: *Đinh Thị Vũ*
2) *Nguyễn Thị Trúc Linh* Chữ ký: *Nguyễn Thị Trúc Linh*

Họ, tên: *Nguyễn Thị Hồng Nhung*
Chữ ký: *Nguyễn Thị Hồng Nhung*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001062

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22HOH1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22140028	Nguyễn Xuân	Biên		<i>[Signature]</i>	☐		7	0	Bảy chẵn	
27	22140030	Lê Lan	Chi		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
28	22140031	Lý Minh	Đại		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
29	22140032	Hà Tấn	Đạt		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
30	22140033	Hoàng Minh	Đạt		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
31	22140034	Huỳnh Lập	Đạt		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
32	22140035	Nguyễn Phạm Phát	Đạt		<i>[Signature]</i>	☐		4	0	Bốn chẵn	
33	22140036	Phạm Cao Tiến	Đạt		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín xấp xỉ	
34	22140037	Phạm Dương Tiến	Đạt		<i>[Signature]</i>	☐		7	5	Bảy xấp xỉ	
35	22140038	Ngô Thị Linh	Điều			☒					
36	22140039	Trần Công	Dinh		<i>[Signature]</i>	☐	0	0	0	Không điểm	
37	22140040	Lý Tín	Đức		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
38	22140041	Nguyễn Thị	Dung		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
39	22140042	Nguyễn Hải	Dương		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
40	22140043	Phan My Thùy	Dương		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín xấp xỉ	
41	22140044	Trần Đại	Dương		<i>[Signature]</i>	☐		6	5	Sáu xấp xỉ	
42	22140045	Phan Nguyễn Khang	Duy		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
43	22140046	Phan Nhật	Duy		<i>[Signature]</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
44	22140047	Huỳnh Phương Ngọc	Duyên		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín xấp xỉ	
45	22140048	Lê Thị Thảo	Duyên		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
46	22140049	Nguyễn Huỳnh Hạnh	Duyên		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
47	22140050	Phạm Thị Cẩm	Giang		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
48	22140051	Cao Thị Mỹ	Hà		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
49	22140052	Nguyễn Hải	Hà		<i>[Signature]</i>	☐		5	0	Năm chẵn	
50	22140053	Nguyễn Ngọc Minh	Hà		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín xấp xỉ	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001063

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22HOH1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
51	22140054	Đỗ Thị Hồng	Hải		<i>Hai</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
52	22140055	Vũ Xuân	Hải		<i>Hai</i>	☐		9	5	Chín xấp xỉ	
53	22140056	Đoàn Mỹ	Hân		<i>Mh</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
54	22140057	Lê Trần Ngọc	Hân		<i>huan</i>	☐		8	5	Tám xấp xỉ	
55	22140058	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		<i>Ng</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
56	22140059	Phạm Thị Ngọc	Hân		<i>Ph</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
57	22140060	Lê Anh	Hào		<i>anh</i>	☐		8	5	Tám xấp xỉ	
58	22140061	Mạc Dĩ	Hào		<i>Ma</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
59	22140062	Võ Văn	Hào		<i>hao</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
60	22140063	Bùi Đức	Hiếu		<i>duc</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
61	22140064	Bùi Trung	Hiếu		<i>Tr</i>	☐	0	9	5	Chín xấp xỉ	
62	22140065	Mai Văn	Hiếu		<i>Hu</i>	☐		8	5	Tám xấp xỉ	
63	22140067	Quách Thị Xuân	Hoa		<i>Hoa</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
64	22140068	Nguyễn Thái	Hòa		<i>Th</i>	☐		6	5	Sáu xấp xỉ	
65	22140069	Trịnh Lê Việt	Hòa		<i>lv</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
66	22140070	Đinh Nguyễn Đức	Hoan		<i>Hoan</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
67	22140071	Huỳnh Huy	Hoàng		<i>Hu</i>	☐		9	5	Chín xấp xỉ	
68	22140073	Tạ Kim	Hùng		<i>ky</i>	☐		7	0	Bảy chẵn	
69	22140075	Huỳnh Văn	Hữu		<i>hu</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
70	22140076	Đào Nhật	Huy		<i>nh</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
71	22140077	Lê Đoàn Tuấn	Huy		<i>ht</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
72	22140078	Lê Phan Bảo	Huy		<i>hu</i>	☐		3	5	Ba xấp xỉ	
73	22140079	Nguyễn Khắc	Huy		<i>kh</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Đình Anh Văn</i> Chữ ký: <i>LV</i> 2) <i>Nguyễn Chí Đức Linh</i> Chữ ký: <i>NCL</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i> Chữ ký: <i>NTHN</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001059

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22HOH1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	22140080	Nguyễn Minh	Huy		Nh			9	0	Chín chẵn	
2	22140081	Nguyễn Ngọc	Huy					8	5	Tám rưỡi	
3	22140082	Phạm Mai Quang	Huy					8	5	Tám rưỡi	
4	22140083	Vũ Bá	Huy				1	0	0	Mười chẵn	
5	22140084	Vũ Đức	Huy					9	0	Chín chẵn	
6	22140085	Mai Thị	Huyền					9	0	Chín chẵn	
7	22140086	Nguyễn Thanh	Huyền					7	5	Bảy rưỡi	
8	22140087	Quách Thị Thương	Huyền					9	0	Chín chẵn	
9	22140088	Nguyễn Hoàng Nhã	Kha				1	0	0	Mười chẵn	
10	22140089	Phạm Hưng	Khải					8	5	Tám rưỡi	
11	22140090	Trương Tuấn	Khải					5	5	Năm rưỡi	
12	22140091	Huỳnh Thái	Khang					7	5	Bảy rưỡi	
13	22140094	Võ Hoàng Vĩnh	Khánh					9	0	Chín chẵn	
14	22140095	Hà Trung	Kiên					8	5	Tám rưỡi	
15	22140097	Hoàng Anh	Kiệt				1	0	0	Mười chẵn	
16	22140099	Trương Tất	Kiệt					8	0	Tám chẵn	
17	22140100	Võ Anh	Kiệt					5	0	Năm chẵn	
18	22140101	Đỗ Gia	Kỳ					6	5	Sáu rưỡi	6,5 - 1/2
19	22140102	Thái Minh	Lập				1	0	0	Mười chẵn	10,0 - 1/2
20	22140103	Bùi Thị Kim	Liên					9	0	Chín chẵn	9,0 - 1/2
21	22140104	Bùi Ngọc	Linh				1	0	0	Mười chẵn	10,0 - 1/2
22	22140105	Cao Quang	Linh					5	5	Năm rưỡi	5,5 - 1/2
23	22140106	Lê Thị Kiều	Linh					7	5	Bảy rưỡi	7,5 - 1/2
24	22140107	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh					9	5	Chín rưỡi	
25	22140108	Nguyễn Ngọc Gia	Linh				1	0	0	Mười chẵn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Nguyễn Văn T. Chữ ký: *[Chữ ký]*
2) Nguyễn Văn T. Chữ ký: *[Chữ ký]*

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chữ ký: *[Chữ ký]*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001060

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22HOH1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E303**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	22140109	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		<i>[Signature]</i>	☐	8	8	5	Tám mươi	8.5
27	22140111	Bùi Thị Kiều	Loan		<i>[Signature]</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
28	22140112	Trần Nguyễn Tổ	Loan		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín mươi	
29	22140114	Lý Thị Nhật	Ly		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
30	22140131	Trần Minh	Ngọc		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
31	22140134	Trần Xuân	Nguyễn		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
32	22140135	Trần Ngọc Thanh	Nhã		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín mươi	
33	22140139	Nguyễn Minh	Nhật		<i>[Signature]</i>	☐		8	5	Tám mươi	
34	22140148	Lê Thị Hồng	Nhung		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
35	22140150	Dương Hoài	Ninh		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
36	22140152	Lê Nguyễn Kiều	Oanh		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
37	22140153	Lê Tấn	Phát		<i>[Signature]</i>	☐		7	5	Bảy mươi	
38	22140156	Nguyễn Việt	Phong		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
39	22140159	Lê Huỳnh Phương	Phúc		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
40	22140161	Trần Minh	Phúc		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
41	22140165	Lưu Đức	Quân			☒					
42	22140172	Mã Mỹ	Quỳnh		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
43	22140177	Nguyễn Minh	Tâm		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
44	22140186	Trần Nghiêm	Thành		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín mươi	
45	22140191	Nguyễn Thị Thạch	Thảo		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
46	22140205	Đào Khánh	Thuận		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
47	22140231	Phạm Thanh	Tuấn		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
48	22140237	Ngô Quốc	Việt		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	Chín mươi	
49	22140239	Lưu Quang	Vũ		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
50	22140245	Đặng Hồng	Yến		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	Tám chẵn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *[Signature]*
1) *[Signature]* Chữ ký: *[Signature]*
2) *[Signature]* Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên: *[Signature]*
Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên: *[Signature]*
Chữ ký: *[Signature]*



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001043

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	1619064	Võ Duy	Hiển								
2	18190021	Phùng Bá Hoàng	Anh		Anh		0	0	0	Không điểm	
3	19140594	Trần Phương	Trâm		Trâm			9	0	Chín chẵn	
4	19150389	Lê Nguyễn Thảo	Ngân								
5	19170194	Chế Thị Quỳnh	Như		Như			7	0	Bảy chẵn	
6	19170199	Trần Hoài	Như		Như			6	5	Bốn rưỡi	4,5 kg
7	19170209	Nguyễn Thị Hoài	Phương		Phuong			7	5	Bảy rưỡi	
8	19170213	Trần Vũ Nhật	Tâm		Tam			7	0	Bảy chẵn	
9	19220111	Bùi Thị Dạ	Hoàn		Bui			7	5	Bảy rưỡi	
10	19220140	Nguyễn Trần Kim	Ngọc		Ngoc			9	5	Chín rưỡi	
11	19220194	Võ Thị Ngọc	Vân		Van			2	0	Hai chẵn	
12	20130136	Nguyễn Khắc Đăng	Triều								
13	20140234	Nguyễn Thế	Dân		Thi			1	0	Một chẵn	
14	20140322	Nguyễn Đình Hiếu	Nhân								
15	20190036	Nguyễn Thành Tâm	Bào								
16	21140116	Nguyễn Đình Uyên	Thy		Thy			5	0	Năm chẵn	
17	21140226	Đặng Huỳnh Kim	Ngọc		Ngoc			7	0	Bảy chẵn	
18	21140261	Lê Nguyễn Mỹ	Tâm		My			5	5	Năm rưỡi	
19	21250081	Hồ Đức	Lộc		Luc			3	5	Ba rưỡi	
20	22160001	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân		Thi			2	5	Hai rưỡi	
21	22160002	Phạm Gia	Hân		Gia			1	0	Một chẵn	
22	22160003	Nguyễn Phú	Hòa								
23	22160004	Nguyễn Minh	Huy		Minh		0	0	0	Không điểm	
24	22160005	Dương Hoàng	Khang								
25	22160006	Đào Lê Minh	Khoa		Minh			2	0	Hai chẵn	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Duy Lợi</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u> 2) <u>Phạm Việt Dũng</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Chí Đồng Nhung</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001042

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	22220056	Nguyễn Viết Anh	Thi		Thi		6	0		Sáu chẵn	
27	22220057	Nguyễn	Thịnh		Thi		7	5		Bảy rưỡi	
28	22220058	Võ Hoàng Minh	Thư		Thi		4	5		Bốn rưỡi	
29	22220059	Nguyễn Thị Như	Thụy		Thi		5	5		Năm rưỡi	
30	22220060	Nguyễn Ngọc Diễm	Thy		Thy		5	0		Năm chẵn	
31	22220061	Nguyễn Hồng Khánh	Tiên		Tien		5	5		Năm rưỡi	
32	22220062	Nguyễn Thùy	Tiên		Thy		5	0		Năm chẵn	
33	22220065	Phan Công	Trọng		Phan		0	0	0	Không điểm	
34	22220066	Đặng Minh	Trung		Trung		6	5		Sáu rưỡi	
35	22220067	Vũ Phạm Anh	Tú		4		6	5		Sáu rưỡi	
36	22220068	Lê Danh	Tuấn		+		4	0		Bốn chẵn	
37	22220070	Bùi Thị Thanh	Vân		Thi		8	5		Tám rưỡi	
38	22220071	Phạm Lê Bảo	Vi								
39	22220072	Nguyễn Thế	Vinh		Thi		5	5		Năm rưỡi	5,5
40	22270001	Đỗ Hoàng Gia	Bảo								
41	22270002	Nguyễn Phạm Gia	Bảo								
42	22270003	Tôn Thất Ngọc	Bảo								
43	22270004	Trần Lệ Yến	Chi		Thi		9	0		Chín chẵn	
44	22270005	Phạm Đình	Đông								
45	22270007	Võ Huy	Hùng		Huy		3	0		Ba chẵn	
46	22270008	Hoàng Minh	Huy		Huy		2	0		Hai chẵn	
47	22270009	Nguyễn Ngọc	Huy		Huy		9	0		Chín chẵn	
48	22270010	Lê Tuấn	Tài		Thi		3	0		Ba chẵn	
49	22270011	Nguyễn Trường	Thịnh		Thinh		4	0		Bốn chẵn	
50	22270012	Nguyễn Trung	Thành		Thi		2	0		Hai chẵn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Lê Thị Hồng Nhung Chữ ký: [Chữ ký]
2) Đặng Thị Thanh Chữ ký: [Chữ ký]

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chữ ký: [Chữ ký]

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001041

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	22220028	Trần Thị Thanh	Ngân		<i>Th</i>	☐		4	5	Bốn rưỡi	
2	22220029	Tô Hoàng Phương	Nghi		<i>Tu</i>	☐		7	5	Bảy rưỡi	
3	22220030	Phạm Vũ Thy	Ngọc		<i>Thy</i>	☐		4	0	Bốn chẵn	
4	22220031	Nguyễn Mai Thanh	Nguyên		<i>ch</i>	☐		4	5	Bốn rưỡi	
5	22220032	Nguyễn Tấn Bảo	Nguyên		<i>ng</i>	☐		5	5	Năm rưỡi	
6	22220034	Nguyễn Thành	Nhân			☒					
7	22220035	Hồ Như	Nhất		<i>nh</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
8	22220037	Tạ Huỳnh	Nhi		<i>TH</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
9	22220038	Võ Ngọc	Nhi		<i>Ng</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
10	22220039	Trần Huy	Nhon		<i>Th</i>	☐	1	0	0	Mười chẵn	
11	22220040	Võ Thành	Nhon		<i>vt</i>	☐		2	0	Hai chẵn	
12	22220041	Nguyễn Thị Ngọc	Như		<i>Ng</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
13	22220042	Nguyễn Đình	Phát		<i>Ph</i>	☐		6	5	Sáu rưỡi	
14	22220043	Đặng Quang	Phú		<i>DQ</i>	☐	0	0	0	Không điểm	
15	22220044	Lê Nguyễn Chí	Phúc		<i>LC</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
16	22220045	Hồ Nguyễn Anh	Quân		<i>HA</i>	☐		4	5	Bốn rưỡi	
17	22220046	Nguyễn Thị Ngọc	Quý		<i>NT</i>	☐		7	5	Bảy rưỡi	
18	22220047	Phạm Hoàng Văn	Quỳnh			☒					
19	22220048	Lâm Tấn	Sang		<i>LT</i>	☐	0	0	0	Không điểm	
20	22220049	Phạm Trần Quang	Son		<i>PT</i>	☐		4	0	Bốn chẵn	
21	22220050	Phạm Mạnh	Tài		<i>PM</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
22	22220051	Nguyễn Minh	Thắng		<i>NM</i>	☐		5	5	Năm rưỡi	
23	22220053	Nguyễn Ngọc	Thanh		<i>NN</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
24	22220054	Huỳnh Kim	Thi		<i>HK</i>	☐		4	5	Bốn rưỡi	
25	22220055	Nguyễn Lê Tâm	Thi		<i>NT</i>	☐		7	0	Bảy chẵn	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i> Chữ ký: <i>NT</i> 2) <i>Phạm Đức Cường</i> Chữ ký: <i>PD</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i> Chữ ký: <i>NT</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001044

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22160007	Nguyễn Thị Ái	Lành		<i>Lành</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
27	22160014	Phan Thị Phương	Thảo			☒					
28	22160015	Nguyễn Trần	Trọng		<i>Trọng</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
29	22220001	Hồ Quốc	Bình		<i>Bình</i>	☐		6	5	Sáu rưỡi	
30	22220002	Phan Thị Mộng	Cầm		<i>Cầm</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
31	22220003	Huỳnh Ngọc Minh	Châu		<i>Châu</i>	☐		8	0	Tám chẵn	
32	22220004	Phan Hồng	Châu		<i>Châu</i>	☐		3	5	Ba rưỡi	
33	22220005	Quách Thành	Công		<i>Thành</i>	☐		3	5	Ba rưỡi	
34	22220006	Phạm Hoàng Minh	Đăng		<i>Đăng</i>	☐		4	5	Bốn rưỡi	
35	22220007	Nguyễn Xuân	Dĩ		<i>Xuân</i>	☐		5	0	Năm chẵn	
36	22220008	Dương Thị Kiều	Diễm		<i>Kiều</i>	☐		4	0	Bốn chẵn	
37	22220009	Nguyễn Ngọc	Diệp		<i>Ngọc</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
38	22220010	Huỳnh Xuân	Đông		<i>Xuân</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
39	22220011	Nguyễn	Duy		<i>Duy</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
40	22220012	Võ Hoàng	Duy		<i>Hoàng</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
41	22220014	Vũ Hồng	Giới		<i>Hồng</i>	☐		4	0	Bốn chẵn	
42	22220015	Lâm Ngọc	Hà		<i>Ngọc</i>	☐		3	5	Ba rưỡi	
43	22220016	Dương Vũ Ngọc	Hân		<i>Hân</i>	☐		9	0	Chín chẵn	
44	22220017	Nguyễn Văn	Hiệu		<i>Văn</i>	☐		6	0	Sáu chẵn	
45	22220019	Trần Gia	Huy		<i>Gia</i>	☐		2	5	Hai rưỡi	
46	22220020	Trần Quốc	Huy		<i>Quốc</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
47	22220021	Đỗ Hoàng	Khang		<i>Hoàng</i>	☐		9	5	Chín rưỡi	
48	22220022	Nguyễn Hoàng	Khánh		<i>Hoàng</i>	☐		4	0	Bốn chẵn	
49	22220023	Đỗ Duy	Khôi			☒					
50	22220024	Đinh Tuấn	Kiệt		<i>Tuấn</i>	☐		5	5	Năm rưỡi	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trường khoa, bộ môn

Họ, tên: *Phan Việt Dũng*
1) Chữ ký: *[Signature]*
2) Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên: *Nguyễn Chí Hồng Nhung*
Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001045

Tên học phần: **Toán cao cấp C**

Mã học phần: **MTH00002**

Lớp: **22CMT1**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E105**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	22220025	Nguyễn Thị	Loan		<i>Loan</i>	☐	2	5		Hai rưỡi	
52	22220026	Phạm Ngọc	Minh		<i>Ng</i>	☐	3	0		Ba chẵn	
53	22220027	Lê Thái Hoàng	Ngân			☒					
54						☐					
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Ng Duy Lân* Chữ ký: *MD*
2) *Phạm Việt Dũng* Chữ ký: *VD*

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chữ ký: *HN*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001656

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22CSH2**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	22180117	Nguyễn Ngọc Yến	Ngân		Ngân			5	5	Năm rưỡi	
2	22180118	Nguyễn Thanh	Ngân		Ngân			6	5	Sáu rưỡi	
3	22180119	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân		ngn			8	0	Tám chẵn	
4	22180120	Nguyễn Trần Bảo	Ngân		Ngân			3	0	Ba chẵn	
5	22180121	Tạ Thị Kim	Ngân		Ngân			9	0	Chín chẵn	
6	22180122	Trần Thị Thu	Ngân		Tu			9	0	Chín chẵn	
7	22180123	Phan Vũ Gia	Nghi		Nghi		1	0	0	Mười chẵn	
8	22180124	Võ Hà Phương	Nghi		Ngân		1	0	0	Mười chẵn	
9	22180125	Nguyễn Hữu	Nghĩa								
10	22180126	Huỳnh Nguyễn Hồng	Ngọc		Hồng			9	5	Chín rưỡi	
11	22180127	Lê Lâm Hồng	Ngọc		Hồng		1	0	0	Mười chẵn	
12	22180128	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		Ngân			8	5	Tám rưỡi	
13	22180129	Tôn Huỳnh Phước	Ngọc		Phước			8	0	Bám chẵn	
14	22180130	Trương Thế	Ngọc		ngoc			7	0	Bảy chẵn	
15	22180131	Đặng Tâm	Nhã		Tu			5	0	Năm chẵn	
16	22180132	Phạm Cao Thanh	Nhã		Phát		1	0	0	Mười chẵn	
17	22180133	Nguyễn Phước	Nhân		Phước			5	5	Năm rưỡi	
18	22180134	Lê Thị Yến	Nhi		Nhiều			5	5	Năm rưỡi	
19	22180136	Đặng Mai	Như		Như			9	0	Chín chẵn	
20	22180138	Nguyễn Võ Khánh	Như		Như		1	0	0	Mười chẵn	
21	22180139	Trần Đức Thanh	Nhuệ		Tu			8	5	Tám rưỡi	
22	22180140	Hồ Thị Thanh	Ni		Nhi			5	5	Năm rưỡi	
23	22180141	Nguyễn Thị Yến	Ni		Yên		1	0	0	Mười chẵn	
24	22180142	Phạm Hồng	Oanh		Hồng			9	5	Chín rưỡi	
25	22180143	Nguyễn Hoàng	Phát		Phát		1	0	0	Mười chẵn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

1) Huỳnh Thị Yến Hồng Chữ ký:

2) Nguyễn Ngọc Tiến Chữ ký:

Họ, tên:

Nguyễn Thị Hồng Nhung Chữ ký:

Chữ ký:

Họ, tên:

Chữ ký:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001657

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22CSH2**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22180145	Trần Hoàng	Phi		<i>Phi</i>			6	5	Sáu rưỡi	
27	22180146	Nguyễn Dương Thanh	Phong		<i>Phong</i>			9	0	Chín chẵn	
28	22180147	Hồ Phước	Phú		<i>Phu</i>		1	0	0	Mười chẵn	
29	22180149	Phan Thanh	Phú		<i>Phu</i>		1	0	0	Mười chẵn	
30	22180150	Đỗ Đình	Phúc		<i>Phu</i>			4	5	Bốn rưỡi	
31	22180151	Nguyễn Huỳnh Đại	Phúc		<i>Phu</i>		1	0	0	Mười chẵn	
32	22180152	Trần Hồng	Phúc		<i>Phu</i>			9	5	Chín rưỡi	
33	22180153	Sái Kim Bảo	Phụng		<i>Phu</i>			9	5	Chín rưỡi	
34	22180154	Nguyễn Hữu	Phước								
35	22180155	Đinh Ngọc Thanh	Phương		<i>Phu</i>			6	0	Sáu chẵn	
36	22180156	Đỗ Đặng Hoài	Phương		<i>Phu</i>			6	5	Sáu rưỡi	
37	22200101	Đào Trúc	Mai		<i>Phu</i>			7	5	Bảy rưỡi	
38	22200113	Nguyễn Thiện	Nhân		<i>Phu</i>			3	5	Ba rưỡi	
39	22200114	Võ Thành	Nhân		<i>Phu</i>			6	5	Sáu rưỡi	
40	22200129	Nguyễn Hoàng Khánh	Phương		<i>Phu</i>			8	0	Tám chẵn	
41	22200135	Phạm Phương	Quỳnh		<i>Phu</i>			9	0	Chín chẵn	
42	22200138	Ngô Hoàng	Son		<i>Phu</i>			9	5	Chín rưỡi	
43	22200139	Hà Tuấn	Tài		<i>Phu</i>			9	0	Chín chẵn	
44	22200154	Trần Phước	Thịnh								
45	22200155	Nguyễn Huyền	Thoại		<i>Phu</i>		1	0	0	Mười chẵn	
46	22200159	Nguyễn Huyền	Thương		<i>Phu</i>			9	0	Chín chẵn	
47	22200164	Phạm Ngọc	Trâm		<i>Phu</i>			8	0	Tám chẵn	
48	22200168	Phan Thị Phương	Trúc		<i>Phu</i>			9	0	Chín chẵn	
49	22200173	Nguyễn Văn	Trường		<i>Phu</i>		1	0	0	Mười chẵn	
50	22200183	Nguyễn Quốc	Việt		<i>Phu</i>			6	5	Sáu rưỡi	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trường khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) *Nguyễn Thị Yến Hồng* Chữ ký: *[Signature]*
2) *Nguyễn Ngọc Tiên* Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chữ ký: *[Signature]*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001658

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22CSH2**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	1718241	Lê Dương Bích	Ngọc								
2	18130139	Nguyễn Đức	Thuận					6	5	Sáu lăm	
3	18150168	Trần Ngọc	Khánh								
4	18160008	Trần Khánh	Duy					1	0	Một chẵn	
5	18190007	Trần Nguyễn Nguyên	An					1	5	Một lăm	
6	18190201	Nguyễn Ngọc Trang	Vy					5	0	Năm chẵn	
7	18220050	Nguyễn Nhật	Huy					7	0	Bảy chẵn	
8	18230014	Nguyễn Phúc Khang	An				1	0	0	Mười chẵn	
9	19160011	Phạm Thị Ngọc	Ái					4	0	Bốn chẵn	
10	19160025	Trần Thị Ngọc	Nờ					4	5	Bốn lăm	
11	19180125	Lê Đức	Minh								
12	19180283	Trần An	Khánh					5	0	Năm chẵn	
13	19200229	Hoàng Văn	Tấn					3	0	Ba chẵn	
14	20120469	Nguyễn Gia	Hào								
15	20130083	Dương Quốc	Huy					4	5	Bốn lăm	
16	20130094	Nguyễn Thị Tuyết	Lan				1	0	0	Mười chẵn	
17	20130104	Huỳnh Thị Ánh	Minh					5	0	Năm chẵn	
18	20130111	Huỳnh Thị Tố	Như					2	5	Hai lăm	
19	20130145	Đỗ Hùng	Việt					8	0	Tám chẵn	
20	20150101	Hoàng Nguyễn Hải	Anh					3	0	Ba chẵn	
21	20150112	Lưu Quỳnh Trâm	Anh				0	0	0	Không chẵn	
22	20150175	Trương Ngọc	Lễ					8	5	Tám lăm	
23	20150176	Nguyễn Thị Ngọc	Lên					4	0	Bốn chẵn	
24	20150186	Trần Hoàng Lưu	Ly								
25	20150276	Mai Yến	Thy					6	0	Sáu chẵn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Lê Thị Ngọc Trang Chữ ký:
2) Lưu Hoàng Nam Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001659

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22CSH2**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20150310	Nguyễn Võ Ái	Vy		Vy		0	0	0	Không chấm	
27	20180182	Trần Anh	Tuấn		Tuấn			7	5	Bảy lười	
28	20180384	Nguyễn Thị	Thương		Thương			7	0	Bảy chẵn	
29	21150245	Lâm Thiên	Lộc		Lộc			6	0	Sáu chẵn	
30	21150266	Nguyễn Thị Trúc	Ngân		Ngân			7	5	Bảy lười	
31	21150280	Huỳnh Bảo Yến	Nhi		Nhi			3	0	Ba chẵn	
32	21150281	La Đoàn Uyên	Nhi		Nhi			3	0	Ba chẵn	
33	21150320	Trịnh Lê Như	Quỳnh		Quỳnh			5	0	Năm chẵn	
34	21180104	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		Tâm			6	0	Sáu chẵn	
35	21180150	Ngô Minh	Anh		M. Anh			1	0	Một chẵn	
36	21180245	Huỳnh Nguyễn Song	Yên		Yên			8	5	Tám lười	
37	21180255	Trần Lê Cát	Tường		Tường			4	5	Bốn lười	
38	21210010	Nguyễn Thị Ngọc	Tâm		Tâm			6	5	Sáu lười	
39	22170084	Phan Phát Duy	Bình		Bình			7	0	Bảy chẵn	
40	22180079	Trần Thị Lê	Khanh		Khanh			9	0	Chín chẵn	
41	22180080	Võ Thị Mai	Khanh		Mai			6	0	Sáu chẵn	
42	22180081	Bùi Xuân	Khánh		Khánh			8	5	Tám lười	
43	22180082	Phạm Võ Gia	Khánh		Khánh			9	0	Chín chẵn	
44	22180083	Mai Đình	Khiêm		Khiêm			7	0	Bảy chẵn	
45	22180084	Nguyễn Đăng	Khoa		Khoa			7	5	Bảy lười	
46	22180086	Nguyễn Trần Đăng	Khoa		Khoa		1	0	0	Mười chẵn	
47	22180087	Trần Đăng	Khoa		Khoa			8	0	Tám chẵn	
48	22180088	Nguyễn Anh	Khôi								
49	22180090	Trương Quốc	Lâm		Lâm			9	5	Chín lười	
50	22180091	Nguyễn Tôn	Lễ		Lễ			5	0	Năm chẵn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Lý Hoàng Nam Chữ ký: Nam
2) Lê Đình Anh Vũ Chữ ký: Anh Vũ

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chữ ký: Nhung

Họ, tên:
.....
Chữ ký:
.....



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001660

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22CSH2**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	22180092	Lê Thị Tường	Linh					5	0	Năm chẵn	
52	22180093	Nguyễn Thị Khánh	Linh					7	5	Bảy rưỡi	
53	22180094	Nguyễn Trần Thùy	Linh					6	5	Sáu rưỡi	
54	22180095	Phạm Nhật	Linh					8	5	Tám rưỡi	
55	22180096	Phan Thị Diệu	Linh					5	5	Năm rưỡi	
56	22180097	Tạ Yến	Linh				1	0	0	Mười chẵn	
57	22180098	Trần Yến	Linh					9	5	Chín rưỡi	
58	22180099	Trương Thị Thùy	Linh				1	0	0	Mười chẵn	
59	22180100	Trần	Linh					9	5	Chín rưỡi	
60	22180101	Lê Giang	Long					9	5	Chín rưỡi	
61	22180102	Lê Thành	Long					8	0	Tám chẵn	
62	22180103	Bùi Thị Khánh	Ly					9	0	Chín chẵn	
63	22180104	Nguyễn Dương Thảo	Ly				1	0	0	Mười chẵn	
64	22180105	Bùi Quốc	Mạnh					7	0	Bảy chẵn	
65	22180107	Lý Bảo	Minh					7	5	Bảy rưỡi	
66	22180108	Nguyễn Anh	Minh								
67	22180109	Nguyễn Quang	Minh								
68	22180110	Nguyễn Vũ Giáng	My					4	5	Bốn rưỡi	
69	22180111	Trần Thị Thảo	My				1	0	0	Mười chẵn	
70	22180112	Huỳnh Kiều	My					6	0	Sáu chẵn	
71	22180113	Lê Hữu	Nam					2	0	Hai chẵn	
72	22180114	Đoài Thị Ngọc	Nga					7	0	Bảy chẵn	
73	22180115	Đỗ Thị Kim	Ngân					9	5	Chín rưỡi	
74	22180116	Hoàng Thị Thanh	Ngân					5	5	Năm rưỡi	
75											

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Lê Thị Ngọc Trang Chữ ký:
2) Lê Thị Ngọc Trang Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chữ ký:

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001678

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22SHH1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1621093	Lê Thị Thu	Uyên	1			0	0	0	Không chấm	
2	1712003	Lê Nguyễn Đức	Anh				1	0	0	Mười chấm	
3	19120048	Hồ Nguyễn Trâm	Anh					1	5	Một rưỡi	
4	19140633	Phạm Thị Kiều	Vi					2	5	Hai rưỡi	
5	19150307	Lâm Anh	Duy					2	5	Hai rưỡi	
6	19150431	Lê Văn	Quân					5	5	Năm rưỡi	
7	19150454	Trần Phương	Thảo					3	0	Ba chấm	
8	19150465	Lê Thị Yến	Thư					7	5	Bảy rưỡi	
9	19150520	Huỳnh Thế	Vĩ					2	0	Hai chấm	
10	19160022	Lê Hoàng	Kim					4	5	Bốn rưỡi	
11	19160038	Nguyễn Văn	Trọng					3	0	Ba chấm	
12	19170196	Huỳnh Thị Quỳnh	Như					5	0	Năm chấm	
13	19170805	Nguyễn Thanh	Tuấn					7	5	Bảy rưỡi	
14	19230038	Nguyễn Duy	Cường					9	5	Chín rưỡi	
15	19230049	Phạm Duy	Hoài								
16	19230061	Phan Nguyễn Nhật	Minh					6	5	Sáu rưỡi	
17	20120323	Nguyễn Hoàng	Long					7	5	Bảy rưỡi	
18	20120613	Lê Bá Quốc	Tuấn								
19	20130050	Nguyễn Trí	Vỹ					8	5	Tám rưỡi	
20	20130087	Nguyễn Đỗ Minh	Hy					9	5	Chín rưỡi	
21	20130135	Lê Thị Thùy	Trang					6	0	Sáu chấm	
22	20150029	Nguyễn Kim	Hằng					6	0	Sáu chấm	
23	20150035	Võ Đức	Hùng					5	5	Năm rưỡi	
24	20150053	Lê Thị Ngọc	Mai					8	5	Tám rưỡi	
25	20150055	Phạm Huỳnh Thanh	Ngân					4	0	Bốn chấm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Nguyễn Trọng.....Chữ ký:
2) Trần Quang Minh.....Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chữ ký:

Họ, tên:
.....
Chữ ký:
.....



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001679

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22SHH1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20150061	Trần Đặng Huỳnh	Như					6	0	Sáu chẵn	
27	20150127	Hà Thanh Duy	Diễn								
28	20150159	Đỗ Thị Thu	Huyền					1	0	Một chẵn	
29	20150195	Lê Nguyễn Nhật	Minh					8	0	Tám chẵn	
30	20150213	Lê Minh	Nghĩa					6	0	Sáu chẵn	
31	20150250	Huỳnh Thị Như	Quỳnh					3	0	Ba chẵn	
32	20150280	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm					1	0	Một chẵn	
33	20170086	Ngô Đình	Phúc								
34	20180040	Lê Thái Phương	Khanh								
35	20180259	Võ Trí	Hiếu								
36	20180362	Trần Quốc	Tài					6	5	Sáu lẻ	
37	20180402	Bùi Văn	Trọng					8	5	Tám lẻ	
38	20200356	Lưu Vĩnh	Thuận								
39	20260057	Trần Thị Ngọc	Ánh				0	0	0	Không chẵn	
40	21120418	Nguyễn Chí	Công					9	5	Chín lẻ	
41	21130113	Lê Gia	Bào								
42	21140428	Huỳnh Ngọc	Trâm					1	5	Một lẻ	
43	21140442	Diệp Lê Khánh	Uyên					3	5	Ba lẻ	
44	21150025	Phan Trần Thái	Bình					2	0	Hai chẵn	
45	21150159	Nguyễn Gia	Bào					2	0	Hai chẵn	
46	21150160	Nguyễn Ngọc Hoài	Bào					8	5	Tám lẻ	
47	21150161	Trần Quốc	Bào					4	5	Bốn lẻ	
48	21150164	Phạm Tiến	Danh					6	5	Sáu lẻ	
49	21150167	Trương Quang	Đạt					4	0	Bốn chẵn	
50	21150214	Nguyễn Võ Hoàng Văn	Hữu				0	0	0	Không chẵn	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Trần Quang Minh Chữ ký:
2) Chữ ký:

Họ, tên:
Nguyễn Chí Hồng Nhung
Chữ ký:

Họ, tên:
.....
Chữ ký:
.....



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001680

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22SHH1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	21150256	Trần Ngọc Phương	Minh		<i>Minh</i>	☐	8	0		Tám chẵn	
52	21150264	Nguyễn Bảo	Ngân		<i>Ba</i>	☐	3	0		Ba chẵn	
53	21150276	Nguyễn Thị Thanh	Nhã		<i>Nhã</i>	☐	4	0		Bốn chẵn	
54	21150282	Lê Ngọc Lan	Nhi		<i>Lan</i>	☐	2	0		Hai chẵn	
55	21210004	Lưu Huỳnh Ngọc	Mai		<i>Mai</i>	☐	2	0		Hai chẵn	
56	21210041	Trịnh Thị Cẩm	Tú		<i>Tu</i>	☐	7	5		Bảy rưỡi	
57	21230081	Nguyễn Quách	Vi			☒					
58	21230084	Phạm Thị Yến	Vy			☒					
59	22120314	Lê Tiến	Tài		<i>Tai</i>	☐	4	0		Bốn chẵn	
60	22120326	Nguyễn Trường	Tân		<i>Tan</i>	☐	8	5		Tám rưỡi	
61	22120345	Võ Khắc	Thiện		<i>Thien</i>	☐	9	5		Chín rưỡi	
62	22120416	Huỳnh Thị Kim	Tuyền		<i>Tuyen</i>	☐	1	0		Mười chẵn	
63	22120417	Đỗ Thị Ánh	Tuyết		<i>Tuyet</i>	☐	8	0		Tám chẵn	
64	22120421	Nguyễn Đoàn Minh	Uyên		<i>My</i>	☐	1	0		Mười chẵn	
65	22150002	Phan Duy	An			☒					
66	22150003	Trần Đoàn Khả	Ân		<i>Can</i>	☐	5	0		Năm chẵn	
67	22150004	Đặng Ngân	Anh		<i>Anh</i>	☐	8	5		Tám rưỡi	
68	22150005	Hoàng Lan	Anh		<i>Lan</i>	☐	8	5		Tám rưỡi	
69	22150006	Lâm Duy	Anh		<i>Ad</i>	☐	7	0		Bảy chẵn	
70	22150007	Lê Võ Phương	Anh		<i>Phu</i>	☐	8	0		Tám chẵn	
71	22150008	Nguyễn Đặng Hải	Anh			☒					
72	22150010	Nguyễn Mai	Anh		<i>A</i>	☐	0	0		Không chẵn	
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:	Họ, tên:	Họ, tên:
1).....Chữ ký:	 <i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i>	
2)..... <i>NTD</i>Chữ ký:	 <i>Nhung</i>	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001676

Giữa kỳ

Tên học phần: **Xác suất thống kê**Mã học phần: **MTH00040**Lớp: **22SHH1**Ngày thi: **26/04/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V á n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	22150011	Nguyễn Ngọc Vân	Anh		<i>Anh</i>	☐	-	5	5	Năm rưỡi	
2	22150012	Nguyễn Phan Diệu	Anh			☐					
3	22150013	Phạm Ngọc Bảo	Anh		<i>Phạm</i>	☐		1	5	Một rưỡi	
4	22150014	Tổng Hà Mai	Anh		<i>Thanh</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
5	22150016	Hồ Việt	Bách		<i>Viet</i>	☐	0	0	0	Không chấm	
6	22150017	Đinh Thiên	Bảo		<i>Bao</i>	☐		9	0	Chín chấm	
7	22150019	Phan Quốc	Bảo		<i>Quoc</i>	☐		9	0	Chín chấm	
8	22150020	Trần Chí	Bảo		<i>Chi</i>	☐	1	0	0	Mười chấm	
9	22150021	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình		<i>B</i>	☐	1	0	0	Mười chấm	
10	22150022	Nguyễn Thị	Bình		<i>Thi</i>	☐		4	5	Bốn rưỡi	
11	22150023	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu		<i>Chau</i>	☐		7	5	Bảy rưỡi	
12	22150024	Đặng Hoài	Chi		<i>Hoai</i>	☐		4	0	Bốn chấm	
13	22150025	Ngô Ngọc	Diễm		<i>Ngoc</i>	☐		8	0	Tám chấm	
14	22150026	Lý Từ	Diễn		<i>Tu</i>	☐		4	5	Bốn rưỡi	
15	22150027	Nguyễn Quốc Hưng	Gia		<i>Hung</i>	☐		6	5	Sáu rưỡi	
16	22150030	Phạm Lê Nhật	Hân		<i>Pham</i>	☐		4	0	Bốn chấm	
17	22150031	Đinh Gia	Hân			☐					
18	22150032	Đinh Hoàng Gia	Hân		<i>Hoa</i>	☐		5	0	Năm chấm	
19	22150033	Lê Ngọc	Hân		<i>Ngoc</i>	☐		5	5	Năm rưỡi	
20	22150034	Trần Thị Ngọc	Hân		<i>Thi</i>	☐		3	5	Ba rưỡi	
21	22150035	Tạ Thị	Hàng		<i>Thi</i>	☐		6	0	Sáu chấm	
22	22150036	Trần Thị Mỹ	Hạnh		<i>Hanh</i>	☐		2	0	Hai chấm	
23	22150039	Ngô Thúy	Hiền		<i>Thuy</i>	☐		8	0	Tám chấm	
24	22150040	Nguyễn Thu	Hiền		<i>Thu</i>	☐		9	0	Chín chấm	
25	22150041	Ngô Lê Đức	Hiếu		<i>De</i>	☐	0	0	0	Không chấm	

Cán bộ coi thi

Họ, tên:
1) *Ngô Thị Quý Nam*... Chữ ký: *N*
2) *Nguyễn Thị Thu Huyền*... Chữ ký: *le*

Cán bộ chấm thi

Họ, tên:
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Chữ ký: *huy*

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001677

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22SHH1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22150042	Trần Thanh	Hưng				0	2	0	Hai chẵn	2.0
27	22150043	Hà Đặng	Hữu					3	5	Ba lẻ	
28	22150044	Đỗ Gia	Huy					9	0	Chín chẵn	
29	22150045	Lê Quốc	Huy					7	5	Bảy lẻ	
30	22150047	Phạm Quốc	Huy					6	5	Sáu lẻ	
31	22150049	Trần Hoàng	Khang					6	0	Sáu chẵn	
32	22150051	Đỗ Trần Lam	Khê					3	0	Ba chẵn	
33	22150052	Trần Quang	Khoa								
34	22150053	Trần Quang Duy	Khuong					9	0	Chín chẵn	
35	22150054	Phan Tuấn	Kiệt					7	5	Bảy lẻ	
36	22150055	Võ Tuấn	Kiệt								
37	22150056	Huỳnh Phạm Hoàng	Kim					2	5	Hai lẻ	
38	22150057	Nguyễn Lý Hoàng	Kim				0	0	0	Không chẵn	
39	22150058	Trần Gia	Lạc					4	5	Bốn lẻ	
40	22150059	Nguyễn Ngọc	Lan					6	5	Sáu lẻ	
41	22150060	Trương Quỳnh	Lan					9	0	Chín chẵn	
42	22150061	Nguyễn Hoàng Mai	Linh								
43	22150062	Trần Thị Thùy	Linh					4	0	Bốn chẵn	
44	22150066	Nguyễn Hữu Hoài	Mạnh				0	0	0	Không chẵn	
45	22150067	Lê Nhật	Minh				0	0	0	Không chẵn	
46	22150069	Thạch Hoàng	Minh					5	5	Năm lẻ	
47	22150070	Trần Ngọc Thu	Minh					1	5	Một lẻ	
48	22150071	Vũ Lê Anh	Minh					6	0	Sáu chẵn	
49	22190040	Nguyễn Vũ Nguyên	Khôi					9	0	Chín chẵn	
50	22220048	Lâm Tấn	Sang								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232002642

Tên học phần: **Tối ưu đa mục tiêu**

Mã học phần: **MTH10553**

Lớp: **20TTH**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	18110032	Trần Quốc	Anh		Anh	☐	1	0	0	mười	
2	18110084	Trần Minh	Duy		Duy	☐		5	5	năm năm	
3	18110241	Võ Ngọc Thúy	Tiên		Thúy	☐		3	5	ba năm	
4	19110133	Nguyễn Phan Thùy	Nguyên			☒					
5	19110266	Trương Hoàng Tuấn	Anh		Anh	☐	4	0		bốn không	
6	19110273	Trần Thanh	Bình		Bình	☐	9	5		chín năm	
7	19110282	Lê Trần	Đức		Đức	☐	6	5		sáu năm	
8	19110299	Nguyễn Tiến	Hải		Tiến	☐	9	5		chín năm	
9	19110310	Bành Thế	Hạo		H	☐	5	5		năm năm	
10	19110335	Võ Gia	Huy		Huy	☐	9	5		chín năm	
11	19110351	Nguyễn Hoàng	Khôi		Khôi	☐	9	0		chín không	
12	19110356	Nguyễn Tuấn	Kiệt		Tiến	☐	1	0	0	mười	
13	19110358	Lê Vĩnh	Kỳ		Vĩnh	☐	4	5		bốn năm	
14	19110362	Đặng Ngọc Yến	Linh		Linh	☐	4	5		bốn năm	
15	19110383	Lê Hòa	Nam		H	☐	2	0		hai không	
16	19110396	Nguyễn Phương	Ngọc		Ngọc	☐	9	0		chín không	
17	19110399	Phan Thùy	Nhân		Thùy	☐	7	0		bảy không	
18	19110400	Nguyễn Hoàng	Nhật		B	☐	3	5		ba năm	
19	19110404	Trần Nguyễn Tuyết	Nhi		Nhi	☐	7	5		bảy năm	
20	19110430	Nguyễn Thị Thảo	Sương		Sương	☐	1	0	0	mười	
21	19110468	Nguyễn Thị Thanh	Thúy		Thúy	☐	4	5		bốn năm	
22	19110484	Quách Thị Thùy	Trang		Thùy	☐	3	5		ba năm	
23	19110489	Nguyễn Thành Đại	Trí		Đại	☐	2	5		hai năm	
24	19110498	Huỳnh Thị Cẩm	Tú		Tú	☐	3	0		ba không	
25	19110499	Nguyễn Cao Anh	Tú		Tú	☐	3	5		ba năm	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Nguyễn Mạnh Trường Giang Chữ ký: *[Chữ ký]*
2)..... Chữ ký: *[Chữ ký]*

Họ, tên:
Nguyễn Mạnh Trường Giang
Chữ ký: *[Chữ ký]*

Họ, tên:
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232002643

Tên học phần: **Tối ưu đa mục tiêu**

Mã học phần: **MTH10553**

Lớp: **20TTH**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	19110509	Nguyễn Thùy	Vân		<i>Vũ</i>	☐		3	0	ba không	
27	20110073	Kiều Thanh	Nhân		<i>Khánh</i>	☐		7	5	bảy năm	
28	20110084	Vũ Tuyết	Phương		<i>phương</i>	☐		3	0	ba không	
29	20110219	Triệu Gia	Khôi		<i>khôi</i>	☐	1	0	0	mười	
30	20110260	Cao Trương Uyên	Nhi		<i>~</i>	☐	1	0	0	mười	
31	20110274	Lê Hoàng	Phúc		<i>Ph</i>	☐		3	5	ba năm	
32	20110344	Lê Phú	Trương		<i>Phu</i>	☐	1	0	0	mười	
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1) Nguyễn Mạnh Tường Giảng Chữ ký: *NT*
2)..... Chữ ký:

Họ, tên:
..... Nguyễn Mạnh Tường Giảng
Chữ ký: *NT*

Họ, tên:
.....
Chữ ký: